

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂY HÒA  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 11 - 2021

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA TỈNH PHÚ YÊN**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thanh Huệ.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hữu Pháp và ông Lê Văn Tuyền.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa tỉnh Phú Yên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa tỉnh Phú Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 13/2021/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/5/2021 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà D (*Tên gọi khác: T*) – sinh năm 1983; Nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; Tạm trú: Thôn M, xã X, huyện T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông K – sinh năm 1978; Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà B – sinh năm: 1937; Nơi cư trú: Thôn M, xã X, huyện T, tỉnh Phú Yên;  
*Có đơn xin vắng mặt;*

2. Ông H – sinh năm 1964; Nơi cư trú: Thôn M, xã X, huyện T, tỉnh Phú Yên; *Có mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Nguyên đơn bà D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông K và bà D kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên năm 2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà D, ông K sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông K không lo làm ăn, thường xuyên ăn nhậu và đánh đập bà D rất nhiều lần, có lần ông K bà D bị thương phải đi bệnh viện điều trị. Mâu thuẫn đã được gia đình hòa

giải, ông K hứa không đánh bà D nữa nhưng sau đó vẫn tiếp tục đánh. Năm 2020, bà D có đơn xin ly hôn ông K, sau đó rút đơn trở lại chung sống nhưng vẫn không hạnh phúc, ông K vẫn đánh bà D. Từ cuối năm 2020, bà D về phía bà ở xã X, huyện T sống, từ đó không ai còn quan tâm đến ai. Nay, nhận thấy tình cảm đã hết, không thể nào chung sống với ông K được nữa nên bà D xin được ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên P – sinh ngày 03/9/2016, hiện đang do phía ông K nuôi dưỡng. Bà D khai bà nhiều lần đến xin đưa con về nuôi nhưng gia đình ông K không đồng ý. Tại phiên tòa, bà D thống nhất con chung hiện đã quen sống cùng ông K nên đề thuận lợi cho việc nuôi con, đề nghị Tòa giao con chung cho ông K tiếp tục nuôi dưỡng, bà D không yêu cầu Tòa giải quyết việc cấp dưỡng mà để bà tự cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

*\* Bị đơn ông K đã được triệu tập hợp lệ, có đến Tòa thống nhất ly hôn nhưng không nộp bản ý kiến, không ký vào biên bản hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn K đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà D, ông K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T vào ngày 17/02/2017 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Bà D khai trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, ông K thường xuyên đánh đập bà. Sự việc kéo dài, hai bên tự sống xa nhau từ cuối 2020 đến nay, không ai quan tâm ai. Người làm chứng B, H khai trong quá trình chung sống, ông K thường xuyên đánh đập bà D, có lần ông K đánh bà D phải nhập viện điều trị. Từ cuối 2020, bà D, ông K không còn chung sống với nhau nhưng ông K vẫn thường xuyên gọi điện thoại hăm dọa đòi đánh bà D, đòi đốt nhà người thân của bà D, đề nghị Tòa xem xét giải quyết theo quy định.

Ban nhân dân thôn P xác nhận vợ chồng ông K, bà D thường xuyên có mâu thuẫn, đánh nhau là sự thật. Mặt khác, ông K đến Tòa tham gia phiên hòa giải, có ý kiến thống nhất ly hôn, nhưng không ký biên bản. Sau đó, ông K đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có ý kiến gì phản bác lại yêu cầu xin ly hôn của bà D.

Như vậy, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa ông K, bà D đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D.

[3] Về con chung: Xét thấy con chung tên P – sinh ngày 03/9/2016, hiện đang do ông K nuôi dưỡng, đã quen sống cùng ông K. Do đó, để cháu P phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, chấp nhận yêu cầu của bà D: Giao cháu P cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xét. Sau này, ông Khánh có yêu cầu thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn D phải chịu án phí xin ly hôn: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Bà D được ly hôn ông K.
2. Về con chung: Giao con chung tên P – sinh ngày 03/9/2016 cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí DSST: Bà D phải chịu: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí về yêu cầu xin ly hôn. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà bà D đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002227 ngày 12/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên. Như vậy, bà D đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
  - VKSND H. Tây Hòa;
  - Cục THADS H. Tây Hòa;
  - UBND xã H, huyện T
- ( *GDKKH số 08/2017, ngày 17/02/2017*);
- Các đương sự;
  - Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Thanh Huệ**